

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH ĐẠI  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2020/DS – ST  
Ngày: 19/10/2020.  
V/v tranh chấp: “Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Quang Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Hoàng Mịch.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2020/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Phan Thanh Th, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số M, đường K, phường 1, thành phố Y, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:

Chị Trần Thị Ngọc N, sinh năm: 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 2, xã S, thành phố Y, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1974. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã L, huyện H, tỉnh Bến Tre.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Thanh H, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã B, huyện H, tỉnh Bến Tre.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 15/5/2020, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của của nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc N trình bày:*

Vào ngày 04/3/2019 anh T có cho chị C vay 200.000.000 đồng, khi cho vay có làm giấy mượn tiền, vay không lãi suất, thời hạn thanh toán là ngày 12/3/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả tiền anh T nhiều lần yêu cầu chị C trả tiền nhưng chị C vẫn không trả. Trong giấy mượn tiền đề ngày 04/3/2019 có ghi tên anh H, tuy nhiên anh Hoàng chỉ là người làm chứng nên anh T không có yêu cầu anh H cùng chị C có nghĩa vụ trả tiền cho anh T.

Nay anh T yêu cầu Tòa án buộc chị C có nghĩa vụ trả cho anh T 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 12/3/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án, mức lãi suất là 1,6%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Chi, nhưng Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng trên. Qua xác minh tại nơi cư trú, chị C đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 8/2019 cho đến nay.

*Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Thanh H trình bày:*

Anh Hoàng và chị C có mối quan hệ làm ăn với nhau, anh H bán thức ăn nuôi thủy sản cho chị C để nuôi tôm. Vào ngày 04/3/2019 anh T có cho chị C vay 200.000.000 đồng, khi cho vay anh T có nhờ anh H làm chứng việc anh T cho chị C vay tiền. Anh H là người viết giùm anh T giấy mượn tiền, chị C là người ký tên trong giấy mượn tiền đề ngày 04/3/2019. Anh H chỉ là người làm chứng chứ không có vay tiền của anh T theo như giấy mượn tiền đề ngày 04/3/2019.

Tại phiên tòa:

Chị N, anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với chị C, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng chị C vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn; người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ, căn cứ vào Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc chị C phải có nghĩa vụ trả cho anh T 200.000.000 đồng tiền gốc và trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 12/3/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo chị Trần Thị Ngọc N trình bày: Vào ngày 04/3/2019 giữa anh Phan Thanh T và chị Nguyễn Thị Kim C có thiết lập giao dịch dân sự về việc vay tiền. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Kim C có đăng ký thường trú tại ấp R, xã L, huyện H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Chị N, anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh H.

Tại phiên tòa chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử nhưng chị C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị C.

[4] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc chị C phải có nghĩa vụ trả cho anh T 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 12/3/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án, mức lãi suất là 1,6%/tháng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, anh T đã cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền đề ngày 04/3/2019.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Thuấn:

Tài liệu, chứng cứ do anh T giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp là giấy mượn tiền đề ngày 04/3/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 04/3/2019 xác định giữa anh T và chị C có thiết lập giao dịch dân sự thông qua hợp đồng vay tài sản. Trong hợp đồng vay có ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của chị C. Quá trình thực hiện hợp đồng là ngày 12/3/2019 chị C phải có nghĩa vụ trả tiền cho anh T, tuy nhiên chị C không thực hiện mà bỏ đi khỏi địa phương vào tháng 8/2019 cho đến nay.

Chị C thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng vay tiền ngày 04/3/2019 mà không thông báo cho anh T biết nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, thì coi như là chị C cố tình giấu địa chỉ do đó Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả tiền nhưng chị C không trả tiền cho anh T, chị C đã thay đổi nơi cư trú, không thông báo cho anh T biết nơi cư trú mới, cố tình giấu địa chỉ coi như mặc nhiên thừa nhận còn nợ anh T số tiền 200.000.000 đồng. Chị C không trả tiền cho anh T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh T. Do đó, anh T khởi kiện yêu cầu chị C phải có nghĩa vụ trả cho anh T 200.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Thuận. Buộc chị C phải có nghĩa vụ trả cho anh T 200.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Về lãi: Buộc chị C phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho anh T kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 12/3/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Anh T yêu cầu chị C trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng là thấp hơn 20%/năm của số tiền vay 200.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Khoản lãi chị C phải trả cho anh T được tính như sau:

Khoảng thời gian phải trả lãi tính từ ngày 12/3/2019 đến ngày xét xử là 19 tháng 07 ngày.

Mức lãi phải trả là 1,6%/tháng của số tiền vay 200.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi mà chị C phải trả cho anh T trong thời gian 19 tháng 07 ngày là: 61.546.600 đồng (200.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 19 tháng 07 ngày = 61.546.600 đồng).

Do đó buộc chị C phải có nghĩa vụ trả cho anh T 261.546.600 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 61.546.600 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc chị C phải chịu: 13.077.300 đồng (261.546.600 đồng x 5% = 13.077.300 đồng).

Anh T không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 6.150.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 280, Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh T đối với chị Nguyễn Thị Kim C.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả cho anh Phan Thanh T 261.546.600 đồng (*Hai trăm sáu mươi một triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*).

[2]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu: 13.077.300 đồng (*Mười ba triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm đồng*).

Anh Phan Thanh T không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 6.150.000 đồng (*Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000610 ngày 09/6/2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

**[4]. Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Đại;
- C cục THADS huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Quang Hải**